

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 179/TTr-SXD ngày 20 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Đơn giá nhân công xây dựng để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Đơn giá nhân công xây dựng này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, vốn Nhà nước ngoài ngân sách, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng Đơn giá nhân công xây

dựng này để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

**Điều 3.** Xử lý chuyên tiếp: Các nội dung chuyên tiếp thực hiện theo Mục 3 Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế phần đơn giá nhân công tại văn bản số 1142/UBND-KTN ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc áp dụng đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh và văn bản số 418/SXD-KT&VLXD ngày 27/3/2020 của Sở Xây dựng Phú Thọ về việc công bố đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Hải**

## **ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ngày công)		
		Khu vực II	Khu vực III	Khu vực IV
<b>I</b>	<b>Công nhân xây dựng trực tiếp</b>			
1	Nhóm 1 (bậc 3,5/7)	219.000	204.000	195.000
2	Nhóm 2 (bậc 3,5/7)	223.000	208.000	198.000
3	Nhóm 3 (bậc 3,5/7)	223.000	208.000	198.000
4	Nhóm 4 (bậc 3,5/7)	244.000	227.000	217.000
5	Nhóm 5 (bậc 3,5/7)	244.000	227.000	217.000
6	Nhóm 6 (bậc 3,5/7)	244.000	227.000	217.000
7	Nhóm 7 (bậc 3,5/7)	244.000	227.000	217.000
8	Nhóm 8 (bậc 3,5/7)	223.000	208.000	198.000
9	Nhóm 9 (Lái xe, bậc 2/4)	252.000	239.000	230.000
10	Nhóm 10 (Lái xe, bậc 2/4)	260.000	246.000	237.000
<b>II</b>	<b>Kỹ sư trực tiếp (bậc 4/8)</b>	260.000	246.000	237.000
<b>III</b>	<b>Tư vấn xây dựng</b>			
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	717.000	606.000	566.000
2	Kỹ sư chính, Chủ nhiệm bộ môn	535.000	465.000	404.000
3	Kỹ sư	359.000	313.000	283.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	323.000	283.000	254.000
<b>IV</b>	<b>Nghệ nhân (bậc 1,5/2)</b>	561.000	522.000	497.000
<b>V</b>	<b>Thuyền trưởng, thuyền phó</b>			
1	Thuyền trưởng (bậc 1,5/2)	397.000	368.000	350.000
2	Thuyền phó (bậc 1,5/2)	363.000	337.000	320.000
<b>VI</b>	<b>Thủy thủ, thợ máy (bậc 2/4)</b>	340.000	316.000	300.000
<b>VII</b>	<b>Thợ điều khiển tàu sông (bậc 1,5/2)</b>	340.000	316.000	300.000
<b>VIII</b>	<b>Thợ lặn(bậc 2/4)</b>	561.000	522.000	497.000

### **GHI CHÚ:**

Phân chia khu vực theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 như sau:

- Khu vực II: Thành phố Việt Trì;
- Khu vực III: Thị xã Phú Thọ và các huyện Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông thuộc tỉnh Phú Thọ;
- Khu vực IV: Các huyện còn lại.
- Đơn giá nhân công xây dựng được xác định với thời gian làm việc một ngày là 8 giờ và một tháng là 26 ngày.
- Đơn giá nhân công xây dựng đã bao gồm các khoản bảo hiểm mà người lao động phải nộp theo quy định và chưa bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động nộp cho người lao động đã được tính trong chi phí chung.